

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2026-2027
LỚP: BÉ 4

Căn cứ vào Chương trình giáo dục mầm non ban hành theo Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020;

Căn cứ Kế hoạch phát triển giáo dục của trường Mầm non Hồng Đào năm học 2026 – 2027

Căn cứ vào điều kiện thực tế của nhà trường và đặc điểm phát triển của trẻ lớp Bé 4 tại trường mầm non Hồng Đào;

Lớp Bé 4 xây dựng Kế hoạch giáo dục cho năm học 2026 - 2027 dựa trên mục tiêu Chương trình chăm sóc giáo dục trẻ 3-4 tuổi.

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Quy mô nhóm, lớp

- Sĩ số lớp Bé 4 năm học 2026- 2027, nhà trường giao chỉ tiêu huy động trẻ ra lớp là 25 trẻ.

Hiện nay đã huy động được 22/25 trẻ (Đạt 88% so với chỉ tiêu giao).

+ Nam: 11

+ Nữ: 11

- Giáo viên chủ nhiệm: Lê Thị Tú Anh – Đinh Thị Nhi Pha

2. Thuận lợi

- Ban giám hiệu trường luôn sát sao chỉ đạo giáo viên về chuyên môn, thường xuyên dự giờ thăm lớp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.

- Trường luôn tạo điều kiện cho các giáo viên tham gia các lớp học tập huấn về chuyên đề.

- Lớp học khang trang hiện đại, môi trường sạch sẽ, thoáng mát, an toàn, đi lại thuận lợi.

- Đồ dùng phong phú ở các góc, đồ dùng có tính an toàn cho trẻ sử dụng.

3. Khó khăn

- Mặc dù lớp được đầu tư sửa chữa, hiện đại nhưng thiếu về một số đồ dùng phục vụ cho việc chăm sóc trẻ như chưa có đủ thiết bị công nghệ hiện đại cho lớp.

- Trẻ trong cùng độ tuổi nhưng khả năng tiếp thu không đồng đều.

- Một số phụ huynh đưa đón trẻ tại trường chưa đảm bảo đúng thời gian quy định làm ảnh hưởng đến các hoạt động của trẻ.

II. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TRẺ 3-4 TUỔI

1. Mục tiêu

Chương trình giáo dục trẻ 3-4 tuổi nhằm giúp trẻ từ 3 đến 4 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ; hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách và phát triển ở trẻ những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng và hồn nhiên, yêu thích cái đẹp; ham hiểu biết, thích đi học, hợp tác nhóm, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời cho trẻ.

2. Kế hoạch thực hiện

a) Phân phối thời gian: Chương trình thực học 35 tuần, học kỳ I gồm 18 tuần; học kỳ II gồm 17 tuần. Ngày nghỉ lễ, nghỉ tết theo quy định.

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ NĂM HỌC 2026 – 2027 MẪU GIÁO BÉ (3 – 4 TUỔI)

Chủ đề	Chủ đề nhánh	Tuần	Thời gian thực hiện	Ghi chú
Ổn định nề nếp		1	28/8/2026-31/8/2026	<i>Tự trường Ổn định nề nếp</i>
Ngày hội đến trường của bé		2	01/9/2026-05/9/2026	<i>Ngày hội đến trường của Bé</i>
ĐẾN TRƯỜNG THẬT VUI (3 tuần)	Các cô, các bác trong trường mầm non	3	07/9/2026-11/9/2026	
	Các bạn của bé	4	14/9/2026-18/9/2026	
	Lớp học hạnh phúc (Lồng ghép trung thu)	5	21/9/2026-25/9/2026	<i>Vui hội trăng rằm</i>
BẢN THÂN CỦA BÉ (4 tuần)	Bé là ai	6	28/9/2026-02/10/2026	
	Các giác quan của bé	7	05/10/2026-09/10/2026	
	Các bộ phận trên cơ thể bé	8	12/10/2026-16/10/2026	

	Bé khoẻ mạnh (Lồng ghép ngày hội 20/10)	9	19/10/2026- 23/10/2026	<i>Ngày hội bà, mẹ và cô giáo</i>
BÉ YÊU GIA ĐÌNH (3 tuần)	Nhà bé có ai?	10	26/10/2026- 30/10/2026	
	Ngôi nhà thân yêu	11	02/11/2026- 06/11/2026	
	Nhà bé có gì?	12	09/11/2026- 13/11/2026	
BÉ CHỌN NGHỀ NÀO (4 tuần)	Cô giáo của bé (Lồng ghép ngày hội 20/11)	13	16/11/2026- 20/11/2026	<i>Ngày Nhà giáo Việt Nam</i>
	Cô y tá và Bác sĩ	14	23/11/2026- 27/11/2026	
	Chú bộ đội	15	30/11/2026- 04/12/2026	
	Hợp tác xã mây tre	16	07/12/2026- 11/12/2026	
BÉ BIẾT GÌ VỀ GIAO THÔNG (4 tuần)	Bé đến trường bằng PTGT gì	17	14/12/2026- 18/12/2026	
	Bé đi du lịch bằng máy bay (Lồng ghép ngày hội 22/12)	18	21/12/2026- 25/12/2026	<i>QĐNDVN 22/12</i>
	Bé đi du thuyền.	19	28/12/2026- 01/01/2027	
	Bé biết một số loại biển báo giao thông	20	04/01/2027- 08/01/2027	<i>Sơ kết học kỳ I (trước ngày 08/01/2027)</i>
THỰC VẬT (4 tuần)	Một số rau-củ-quả	21	11/01/2027- 15/01/2027	
	Một số loài hoa	22	18/01/2027- 22/01/2027	
	Hạt gạo có từ đâu	23	25/01/2027- 29/01/2027	
	Bé vui đón tết	24	01/02/2027- 05/02/2027	
		25	08/02/2027- 12/02/2027	<i>Nghỉ tết Nguyên Đán</i>
		26	15/02/2027- 19/02/2027	<i>Ôn định nền nếp, ôn tập</i>
BÉ BIẾT MỘT SỐ	Con chó, con mèo nhà	27	22/02/2027-	

CON VẬT (4 Tuần)	bé		26/02/2027	
	Những con vật sống dưới nước	28	01/3/2027-05/3/2027	
	Những con vật sống trong rừng	29	08/3/2027-12/3/2027	
	Những chú ong siêng năng. (Lồng ghép ngày hội 8/3)	30	15/3/2027-19/3/2027	<i>Ngày hội của Bà, Mẹ và Cô giáo</i>
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THÂN YÊU (3 tuần)	Thành phố của những cây cầu	31	22/3/2027-26/3/2027	
	Lễ hội cầu ngư	32	29/3/2027-02/4/2027	<i>Giải phóng thành phố Đà Nẵng</i>
	Bà Nà Hill	33	05/4/2027-09/4/2027	
BÉ TÌM HIỂU THIÊN NHIÊN (3 tuần)	Các mùa trong năm	34	12/4/2027-16/4/2027	
	Các hiện tượng tự nhiên	35	19/4/2027-23/4/2027	
	Nước	36	26/4/2027-30/4/2027	
THỦ ĐÔ BÁC HỒ KÍNH YÊU (3 tuần)	Thủ đô	37	03/5/2027-07/5/2027	
	Bác Hồ với thiếu nhi	38	10/5/2027-14/5/2027	
	Mừng sinh nhật Bác	39	17/5/2027-21/5/2027	<i>Sinh nhật Bác Hồ Hoàn thành chương trình năm học</i>
Tổ chức lễ ra trường Phát thưởng - Tổng kết năm học		40	24/5/2027-28/5/2027	<i>Tổ chức lễ ra trường - Tổng kết năm học</i>

b) Chế độ sinh hoạt

CHẾ ĐỘ SINH HOẠT CHO TRẺ MẪU GIÁO

Thời gian	Hoạt động
80 - 90 phút	Đón trẻ, chơi, thể dục sáng

Thời gian	Hoạt động
30 - 40 phút	Học
40 - 50 phút	Chơi, hoạt động ở các góc
30 - 40 phút	Chơi ngoài trời
60 - 70 phút	Ăn bữa chính
140 - 150 phút	Ngủ
20 - 30 phút	Ăn bữa phụ
70 - 80 phút	Chơi, hoạt động theo ý thích
60 - 70 phút	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ

3. Nội dung

a) Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

- Tổ chức ăn

+ Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi:

Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.

Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.

+ Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ.

+ *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.

+ *Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:*

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần.

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.

+ Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

+ Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.

- Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).

- Vệ sinh

+ Vệ sinh cá nhân.

+ Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

- Chăm sóc sức khỏe và an toàn

+ Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

+ Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.

+ Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

b) Giáo dục

Nội dung giáo dục theo độ tuổi Mẫu giáo bé 3-4 tuổi

Đối với trẻ suy dinh dưỡng và thừa cân được theo dõi hàng tháng để biện pháp phòng ngừa cụ thể.

MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
1. Phát triển vận động	
- Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.	
MT 1: Trẻ biết thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	<i>Các động tác hô hấp:</i>
	- Thổi nơ
	- Gà gáy
	- Ngửi hoa
	- Máy bay
	- Thổi bóng bay
	<i>Tay - vai :</i>
	- Đưa hai tay lên cao, ra phía trước, sang hai bên.
	- Hai tay đưa sang ngang, đưa lên cao.
	- Hai tay đánh chéo nhau về phía trước và ra sau.
	- Từng tay đưa lên cao, hai tay giang ngang.

	- Co và duỗi tay, bắt chéo hai tay trước ngực.
	Bụng - lườn:
	- Cúi xuống 2 chân thẳng hai tay chạm mũi bàn chân
	- Quay sang phải sang trái, sang phải
	- Đứng cúi người về trước, ngả người ra sau.
	- Nghiêng người sang 2 bên
	- Đứng nghiêng người sang bên, kết hợp đưa cao hoặc đặt sau gáy.
	Chân:
	- Hai tay chống hông khuyu gối
	- Đưa chân ra phía trước, ra sau, sang ngang.
	- Ngồi xổm, đứng lên
	- Nâng cao chân, gập gối
	Bật nhảy:
	- Bật tại chỗ
	- Bật nhảy lên phía trước
	- Bật nhảy chân trước chân sau
	- Bật tách chụm chân tại chỗ.
- Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất vận động:	
MT 2: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động.	- Đi trong đường hẹp
	- Đi kiễng gót.
	- Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát.
	- Đi bước dồn ngang
	- Đi trong đường dích dắc.
	- Bật tại chỗ.
	- Bật tiến về phía trước.
MT 3: Trẻ kiểm soát được vận động khi thực hiện.	- Bật xa 20 - 25cm
	- Đi thay đổi hướng theo đường dích dắc.
	- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.
	- Chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc.

	- Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.
	Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng
MT 4: Trẻ phối hợp tay - mắt trong thực hiện vận động.	- Lăn bắt bóng với cô.
	- Tung bóng cho cô
	- Tung bóng lên cao bằng 2 tay.
	- Đập và bắt bóng với cô
	- Bắt và tung bóng với cô bằng 2 tay
	- Ném trúng đích thẳng đứng bằng 1 tay.
	- Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay.
	- Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng dọc
	- Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang.
MT 5: Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:	- Ném xa bằng 1 tay, chạy nhanh 10m
	- Bò theo hướng thẳng, tung bóng cho cô.
	- Bò bằng bàn tay, bàn chân, ném xa bằng 1 tay
	- Bò chui qua cổng, bật tiến về phía trước 3-4 bước.
	- Bò theo đường dích dắc, lăn bóng về đích
	- Trườn về phía trước, bật sâu 15cm.
	- Trườn theo hướng thẳng, ném trúng đích nằm ngang
	- Bước lên, xuống bậc cao (cao 30cm), tung bóng lên cao bằng 2 tay.
	- Trườn chui qua cổng, bật xa 25 cm.
	- Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m), bật qua dây.
- Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt	
MT 6: Trẻ thực hiện được các vận động.	- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay.
MT 7: Trẻ thực hiện phối hợp được cử động của bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động.	- Đan, tết.
	- Xếp chồng các hình khối khác nhau. Xếp chồng 8-10 khối không đổ

	- Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo, bút - Tô vẽ nguệch ngoạc, vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cài, cởi cúc.
- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.	
MT 8: Cân nặng, chiều cao theo tuổi	- Khám sức khỏe 1 năm 1-2 lần. - Cân nặng và chiều cao của trẻ được theo dõi trên biểu đồ hàng quý. Cân nặng: Bé trai : 12,7– 21,2kg Bé gái : 12,3 – 21,5kg Chiều cao Bé trai : 94,9 – 111,7cm Bé gái : 94,1 – 111,3cm
- Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe	
MT 9: Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh	- Nhận biết một số thực phẩm quen thuộc (Thịt, cá, trứng, sữa, rau).
MT 10: Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày	- Nhận biết tên một số món ăn quen thuộc.
MT 11: Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.
	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)
MT 12: Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn.	- Làm quen cách đánh răng, súc miệng, lau mặt.
	- Tập rửa tay bằng xà phòng
	- Tháo tất, cởi quần áo.
	- Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.
MT 13: Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	- Tự cầm bát thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước đúng cách.

- Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt - Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe	
MT 14: Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở.	- Tập luyện một số thói quen tốt trong ăn uống: Mời cô ăn, mời bạn ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ; uống nước đã đun sôi, không uống nước lã...
MT 15: Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm khi trời lạnh...
	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.
	- Nhận biết trang phục theo thời tiết.
- Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh	
MT 16: Trẻ biết nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng (Bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng, dao, kéo, kim khâu...)
MT 17: Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn (không chơi gần những nơi nguy hiểm: Ao, hồ, sông, bếp than, khu vực đang xây dựng...)
	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người lớn giúp đỡ.
MT 18: Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm (cười đùa khi ăn uống, trèo bàn ghế, lan can, không nghịch vật sắc nhọn, không theo người lạ...)
II. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
1. Khám phá khoa học	
- Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng	
MT 19: Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi.	- Chăm chú quan sát các sự vật, hiện tượng gần gũi quanh trẻ.
	- Hay đặt câu hỏi về các sự vật, hiện tượng gần gũi

MT 20: Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,...để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể
MT 21: Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng.	- Làm một số thí nghiệm đơn giản với các sự vật, hiện tượng gần gũi, phù hợp với trẻ (VD: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi)
MT 22: Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo	- Xem sách, tranh ảnh và trò chuyện với trẻ về đối tượng.
MT 23: Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	- Phân loại đồ vật, cây, hoa, quả, con vật, phương tiện giao thông theo 1 dấu hiệu nổi bật.
- Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản	
MT 24: Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.
	- Ảnh hưởng của một số hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh đến sinh hoạt của trẻ - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.
- Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau	
MT 25: Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.
	- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.
	- Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.

	- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh - Một số nguồn nước, nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày - Một vài đặc điểm tính chất của đất, đá, cát, sỏi - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm
MT 26: Trẻ thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề; vẽ, hát... về các đối tượng trẻ đã được quan sát.
2. Làm quen với một số khái niệm với toán sơ đẳng	
- Nhận biết số đếm, số lượng	
MT 27: Trẻ biết quan tâm đến số lượng và đếm như hỏi về số lượng, đếm vệt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng	- Hay dùng các câu hỏi: Có mấy? Đây là mấy? - Dùng các ngón tay để biểu thị số lượng, đếm vệt.
MT 28: Trẻ đếm được trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- Đếm trên đối tượng giống nhau trong phạm vi 5.
MT 29: Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- 1 và nhiều
	- Xếp tương ứng 1 – 1, ghép đôi
	Thêm bớt trong phạm vi 5
MT 30: Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	- Gộp hai nhóm đối tượng cùng loại và đếm.
MT 31: Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.
- Sắp xếp theo quy tắc	
MT 32: Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp xen kẽ.
- So sánh hai đối tượng	

MT 33: Trẻ biết so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn / nhỏ hơn; dài hơn / ngắn hơn; cao hơn / thấp hơn; bằng nhau.	- So sánh 2 đối tượng về kích thước: to hơn / nhỏ hơn; dài hơn / ngắn hơn; cao hơn / thấp hơn; bằng nhau.
- Nhận biết hình dạng	
MT 34: Trẻ nhận dạng và gọi tên được các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế.
	- Sử dụng các hình hình học để ghép.
- Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian	
MT 35: Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.
3. Khám phá xã hội	
- Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng	
MT 36: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân.
MT 37: Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình.
MT 38: Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Địa chỉ gia đình.
MT 39: Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên trường, tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.
- Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương	
MT 40: Trẻ kể được tên và nói được sản phẩm của một số nghề khi được hỏi, xem tranh.	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.

- Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh	
MT 41: Trẻ kể được tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu...qua trò chuyện, tranh ảnh..	- Tên, ý nghĩa một số ngày lễ hội trong năm học (Ngày khai giảng, Tết trung thu, Ngày 20/11...)
MT 42: Trẻ biết kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	- Tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh của địa phương (Bà Nà, cầu Rồng, Non nước...) - Tên một số ngày lễ hội của địa phương: Ngày hội chùa, ngày lễ Noel, lễ Phục sinh)
III. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
- Nghe và hiểu lời nói.	
MT 43: Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản.	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.
MT 44: Trẻ hiểu được nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.
MT 45: Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào?
	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc, thơ, cao dao, đồng dao, tục ngữ....phù hợp với độ tuổi
- Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày:	
MT 46: Trẻ nói rõ các tiếng.	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt.
MT 47: Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm....	- Sử dụng được các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.
MT 48: Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng. - Trả lời và đặt câu hỏi: Ai? Ở đâu? Khi nào?..

MT 49: Trẻ kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân.	- Kể lại sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,..
MT 50: Trẻ đọc thuộc một số bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè phù hợp với độ tuổi.
MT 51: Trẻ biết kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe.
	- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.
MT 52: Trẻ bắt chước được giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.
MT 53: Trẻ biết sử dụng các từ: “vâng ạ”; “Dạ”; “Thưa”... trong giao tiếp	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.
MT 54: Trẻ biết nói đủ nghe, không nói lí nhí.	- Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
- Làm quen với việc đọc, viết	
MT 55: Trẻ biết cách đề nghị người khác đọc sách cho nghe, biết tự giở sách xem tranh.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.
	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện.
	- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện.
	- Giữ gìn sách.
MT 56: Trẻ nhìn vào tranh minh họa và gọi được tên nhân vật trong tranh.	- Xem tranh và gọi tên các nhân vật trong tranh.
MT 57: Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm...	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông)
MT 58: Trẻ thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc.	- “Viết” nguệch ngoạc theo ý thích của trẻ.
IV. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM-KĨ NĂNG XÃ HỘI	
- Thể hiện ý thức về bản thân	

MT 59: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân
MT 60: Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	- Những điều bé thích, không thích.
- Thể hiện sự tự tin, tự lực	
MT 61: Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Chủ động, hăng hái trong các hoạt động
	- Mạnh dạn, tự tin khi trả lời câu hỏi.
MT 62: Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc đơn giản được giao.	- Thực hiện các công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...).
- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.	
MT 63: Trẻ nhận ra được cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.
MT 64: Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.
MT 65: Trẻ nhận ra được hình ảnh Bác Hồ.	- Xem tranh ảnh, video về Bác Hồ.
MT 66: Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ, về quê hương đất nước.	- Nghe kể chuyện, hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ, về cảnh đẹp của quê hương đất nước. - Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước
- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	
MT 67: Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình	- Một số quy định ở lớp và gia đình: + Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi. + Vâng lời, yêu mến bố mẹ, anh chị em ruột.
	- Chờ đến lượt.
MT 68: Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	- Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn).

MT 69: Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Lắng nghe ý kiến của người khác.
MT 70: Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Phối hợp với bạn trong nhóm chơi. - Chơi hòa thuận với bạn.
- Quan tâm đến môi trường	
MT 71: Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Quan sát cảnh vật thiên nhiên gần gũi.
	- Bảo vệ chăm sóc cây cối.
MT 72: Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường.
	- Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.
MT 73: Trẻ biết khóa vòi nước sau khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng	- Tiết kiệm điện, nước
V. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	
- Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.	
MT 74: Trẻ thể hiện sự vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống.
MT 75: Trẻ biết chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	- Thể hiện cảm xúc khi nghe các bài hát, bản nhạc, bài thơ, câu chuyện, đồng dao, ca dao.
MT 76: Trẻ thể hiện sự vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Bộc lộ cảm xúc và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật của các tác phẩm nghệ thuật.

- Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình	
MT 77: Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Nghe các bài hát bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca) - Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.
MT 78: Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp
MT 79: Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.
MT 80: Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng một số kĩ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản.
MT 81: Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng một số kĩ năng xé dán để tạo ra sản phẩm đơn giản.
MT 82: Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Sử dụng một số kĩ năng nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản.
MT 83: Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Sử dụng một số kĩ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.
MT 84: Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình.
- Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật	
MT 85: Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.
MT 86: Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.
MT 87: Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình..	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.

4. Các hoạt động giáo dục, hình thức tổ chức và phương pháp giáo dục

a) Các hoạt động giáo dục

- Hoạt động chơi

Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau:

- + Trò chơi đóng vai theo chủ đề.
- + Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng.
- + Trò chơi đóng kịch.
- + Trò chơi học tập.
- + Trò chơi vận động.
- + Trò chơi dân gian.
- + Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.

- Hoạt động học

Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi.

- Hoạt động lao động

Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà được sử dụng như một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động đối với trẻ mẫu giáo gồm: lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.

- Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nền nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.

b) Hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục

- Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- + Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.

+ Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Ngày hội đến trường, ngày hội đọc sách, ngày PNVN 20/10, ngày nhà giáo VN 20/11, ngày thành lập QĐNDVN 22/12, Tết cổ truyền, sinh nhật của trẻ, Ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8.3), Tết thiếu nhi (ngày 01/6), Lễ hội nước...)

- Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- + Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.

- + Tổ chức hoạt động ngoài trời.

- Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- + Tổ chức hoạt động cá nhân.

- + Tổ chức hoạt động theo nhóm.

- + Tổ chức hoạt động cả lớp.

c) Phương pháp giáo dục

- Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm

- + Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi: Trẻ sử dụng và phối hợp các giác quan, làm theo sự chỉ dẫn của giáo viên, hành động đối với các đồ vật, đồ chơi (cầm, nắm, sờ, đóng mở, xếp chồng, xếp cạnh nhau, xâu vào nhau,...) để phát triển giác quan và rèn luyện thao tác tư duy.

- + Phương pháp dùng trò chơi: sử dụng các loại trò chơi với các yếu tố chơi phù hợp để kích thích trẻ tự nguyện, hứng thú hoạt động tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.

- + Phương pháp nêu tình huống có vấn đề: Đưa ra các tình huống cụ thể nhằm kích thích trẻ tìm tòi, suy nghĩ dựa trên vốn kinh nghiệm để giải quyết vấn đề đặt ra.

- + Phương pháp luyện tập: Trẻ thực hành lặp đi lặp lại các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được thu nhận.

- Nhóm phương pháp trực quan - minh họa (*quan sát, làm mẫu, minh họa*)

Phương pháp này cho trẻ quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh); hành động mẫu; hình ảnh tự nhiên, mô hình, sơ đồ và phương tiện nghe nhìn (phim vô tuyến, đài, máy ghi âm, điện thoại, vi tính) thông qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy và ngôn ngữ của trẻ.

- Nhóm phương pháp dùng lời nói

Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (đàm thoại, trò chuyện, kể chuyện, giải thích) nhằm truyền đạt và giúp trẻ thu nhận thông tin, kích thích trẻ suy nghĩ, chia sẻ ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ những hình ảnh và sự kiện bằng lời nói. Lời nói, câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn, cụ thể, gần với kinh nghiệm sống của trẻ.

- Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ

Phương pháp dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cổ vũ sự cố gắng của trẻ trong quá trình hoạt động.

- Nhóm phương pháp nêu gương - đánh giá

- + Nêu gương: Sử dụng các hình thức khen, chê phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ. Biểu dương trẻ là chính, nhưng không lạm dụng.

- + Đánh giá: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, tự nhận xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể. Không sử dụng các hình phạt làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm - sinh lý của trẻ.

- Giáo viên linh hoạt áp dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến trên thế giới và các Dự án để giúp trẻ phát triển một cách toàn diện.

- + Phương pháp Giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.

- + Phương pháp STEM/STEAM

- + Phương pháp giáo dục theo hướng tiếp cận Reggio Emilia.

- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa theo kế hoạch của chuyên môn trường:

- + Bé vui Trung thu.

- + Ngày hội đọc sách.

- + Ngày Hội “Chiến sĩ tí hon”.

- + Hoạt động tham quan dã ngoại

- + Ngày PNVN 20/10, ngày nhà giáo VN 20/11, QĐND Việt Nam 22/12, ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8.3)

5. Đánh giá sự phát triển của trẻ

a) Đánh giá trẻ hằng ngày

- Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

- Nội dung đánh giá

- + Tình trạng sức khỏe của trẻ.

- + Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.

- + Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

- Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- + Quan sát.
- + Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- + Sử dụng tình huống.
- + Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- + Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho phù hợp.

b) Đánh giá trẻ theo giai đoạn

- Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo giai đoạn (cuối chủ đề/tháng, cuối mỗi độ tuổi) trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

- Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mỹ.

- Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- + Quan sát.
- + Trò chuyện với trẻ.
- + Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- + Sử dụng tình huống hoặc bài tập/trắc nghiệm.
- + Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của trẻ.

- Thời điểm và căn cứ đánh giá

+ Đánh giá cuối giai đoạn dựa vào mục tiêu giáo dục chủ đề/tháng, kết quả mong đợi cuối độ tuổi.

+ Đánh giá mức độ phát triển thể chất căn sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

GIÁO VIÊN

Lê Thị Tú Anh – Đinh Thị Nhi Pha